TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM THUẬN BẮC** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2017/DS-ST
Ngày 25-8-2017
V/v tranh chấp về nghĩa vụ dân sự

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Đặng Tân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Lệ Minh.

2. Bà Trần Thị Mỹ Lệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Trinh - Thư ký Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 25 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2017/TLST-DS ngày 28/3/2017, về việc: "Tranh chấp về nghĩa vụ dân sự"; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2017/QĐXXST-DS ngày 18/7/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/QĐST-DS ngày 08/8/2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Biền Thanh X, sinh năm 1970. Địa chỉ: Thôn D, xã A, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn C, sinh năm 1964. Địa chỉ: Thôn 02, xã Đ, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Thị M, sinh năm 1973. Địa chỉ: Thôn D, xã A, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

2. Bà Đỗ Thị N, sinh năm 1967. Địa chỉ: Thôn I, xã Đ, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Các đương sự có mặt tại phiên toà ông Biền Thanh X, ông Trần Văn C và bà Trần Thị M. Vắng mặt bà Đỗ Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10 tháng 3 năm 2017, cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Biền Thanh X trình bày: Năm 2015, giữa nguyên đơn và ông Trần Văn C có mua bán bò với nhau. Ngày 10/7/2016, hai bên chốt nợ thì ông C còn nợ nguyên đơn tổng số tiền 154.500.000 đồng và hẹn cuối năm 2016 sẽ trả, nhưng đến nay ông C vẫn không thực hiện theo cam kết. Việc mua bán trên nhằm phục vụ đời sống, trang trải kinh tế gia đình, tiền kinh doanh mua bán là tiền chung của vợ chồng nguyên đơn. Theo giấy nợ thì ông C còn nợ nguyên đơn số tiền 154.500.000 đồng, nhưng nguyên đơn chỉ yêu cầu ông Trần Văn C và bà Đỗ Thị N phải trả số tiền 154.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 01/8/2017, theo mức lãi suất 0,75%/tháng, với số tiền là 9.240.000 đồng. Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trần Văn C trình bày: Ông thừa nhận có nợ nguyên đơn số tiền mua bò 154.500.000 đồng. Việc kinh doanh mua bán là nhằm phục vụ đời sống, trang trải kinh tế gia đình, vợ ông là bà Đỗ Thị N cũng biết việc mua bán này. Sau khi hai bên chốt sổ, thì ông có nói cho vợ biết việc mua bán bò với ông X, do thua lỗ và còn nợ lại ông X số tiền trên. Vợ ông cũng đồng ý cùng trả nợ cho ông X. Tuy nhiên, do vợ chồng ông chưa bán được đất, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên chậm trả nợ cho ông X. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông phải trả số tiền 154.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 01/8/2017, theo mức lãi suất 0,75%/tháng, với số tiền là 9.240.000 đồng thì ông đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị M thống nhất với trình bày của nguyên đơn, yêu cầu ông Trần Văn C và bà Đỗ Thị N phải trả số tiền 154.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 01/8/2017, theo mức lãi suất 0,75%/tháng, với số tiền là 9.240.000 đồng. Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổ chức phiên hòa giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng các bên đương sự không tự thỏa thuận được và đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Sự vắng mặt của bà Đỗ Thị N tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay không thuộc trường hợp phải hoãn phiên tòa. Bởi lẽ, bà Đỗ Thị N đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt, chứng tỏ bà Đỗ Thị N tự từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Đỗ Thị N.

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu ông Trần Văn C và bà Đỗ Thị N phải trả cho vợ chồng nguyên đơn số tiền nợ mua bán bò là 154.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 01/8/2017, theo mức lãi suất 0,75%/tháng, với số tiền là 9.240.000 đồng.

Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Năm 2015, giữa nguyên đơn và bị đơn có mua bán bò với nhau, ngày 10/7/2016 hai bên chốt nợ thì bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 154.500.000 đồng và hẹn cuối năm 2016 sẽ trả cho nguyên đơn số nợ trên. Tuy nhiên đến hạn trả nợ thì bị đơn không thực hiện theo đúng cam kết. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền còn nợ 154.000.000 đồng là có cơ sở. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày 01/01/2017 đến ngày 01/8/2017, theo mức lãi suất 0,75%/tháng, với số tiền là 9.240.000 đồng là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Theo ông Trần Văn C trình bày, vợ ông là bà Đỗ Thị N không tham gia giao dịch mua bán với ông Biền Văn X, nhưng việc ông giao dịch mua bán làm ăn với ông X cũng là nhằm cải thiện đời sống kinh tế gia đình, số tiền lời cũng chi tiêu sinh hoạt trong gia đình. Theo Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định, vợ chồng phải có nghĩa vụ trả nợ đối với giao dịch dân sự hợp pháp do một bên thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu trong gia đình. Do đó, cần buộc bà Đỗ Thị N phải có trách nhiệm cùng với ông Trần Văn C trả nợ là phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần buộc ông Trần Văn C và bà Đỗ Thị N phải có trách nhiệm trả số tiền nợ mua bán bò và tiền lãi chậm trả theo yêu cầu của nguyên đơn.

Về án phí: Ông Trần Văn C và bà Đỗ Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông Biền Thanh X và bà Trần Thị M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 14 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 280, Điều 281, Điều 282, Điều 283, 290 Bộ luật Dân sự 2005; Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Biền Thanh X.

Buộc ông Trần Văn C và bà Đỗ Thị N phải trả cho ông Biền Thanh X và bà Trần Thị M số tiền là 163.240.000 (một trăm sáu mươi ba triệu hai trăm bốn mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong các khoản tiền nêu trên thì phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất tại thời điểm thanh toán, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành, mức lãi suất như sau:

- Theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá 20%/năm, trừ trường hợp có quy định khác của pháp luật.

- Trường hợp các bên không có thỏa thuận thì theo mức lãi suất 10%/năm.

2. Về án phí:

Ông Biền Thanh X và bà Trần Thị M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Biền Thanh X số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 3.850.000 (ba triệu tám trăm năm mươi nghìn) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0011804 ngày 28/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Ông Trần Văn C và bà Đỗ Thị N phải chịu 8.162.000 (tám triệu một trăm sáu mươi hai nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 25/8/2017). Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bình Thuận;
-VKSND huyện H;
-Chi cục THADS huyện H;
-Các đương sự;
-Lưu: hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Đặng Tân